

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 16-01-2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Tùng.
2. Ông Nguyễn Văn K.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST– DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58A/2022/QĐST–DS ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn N, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp TBI, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Đăng K, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thụ Thuý D, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Vũ B trình bày:

Vào ngày 02/01/2022 anh K có vay của anh N số tiền là 2.900.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất hai bên thoả thuận là 1%/tháng, mục đích anh K vay tiền là để làm bãi cát kinh doanh phục vụ cho kinh tế của gia đình, chị

D là vợ của anh K biết rõ. Từ khi vay đến nay anh N và chị D không trả lãi, vốn cho anh N.

Anh N nhiều lần yêu cầu anh K và chị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N nợ gốc và nợ lãi nhưng anh K và chị D không đồng ý nên anh N khởi kiện anh K và chị D.

Anh N yêu cầu anh K và chị D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh N số tiền là 2.900.000.000 đồng, trả một lần, anh N không yêu cầu tính lãi.

Đối với chi phí giám định, anh N yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Huỳnh Đăng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thụ Thuý D chưa thực hiện quy định tại các Điều 70,72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 116,113, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn N, buộc anh Huỳnh Đăng K và chị Huỳnh Thụ Thuý D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền là 2.900.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Huỳnh Đăng K cư trú tại ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Đăng K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thụ Thuý D đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh K và chị D đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị D.

[4] Xét yêu cầu anh N yêu cầu anh K và chị D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh N số tiền là 2.900.000.000 đồng, anh N không yêu cầu tính lãi.

[4.1] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc biên nhận ngày 02/01/2022 và Kết luận giám định số 466/2022/KL-KTHS ngày 05/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với anh K và chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên anh K và chị D đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án.

[4.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh K và chị D nhưng anh K và chị D đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày, phản đối về việc yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó thể hiện anh K và chị D đã từ bỏ các quyền của anh K và chị D theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.3] Mặc dù, tại thời điểm anh K vay tiền của anh N thì chị D không ký nhận vào biên nhận ngày 02/01/2022 nhưng nội dung biên nhận có ghi “...*Tôi có mượn của anh Cao Văn N số tiền 2.900.000 (Hai tỷ chín) để làm bãi đất, cát lấp...*”. Do đó có đủ cơ sở khẳng định số tiền mà anh K vay của anh N phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh K và chị D

Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa anh N với anh K, chị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng anh K, chị D đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ nên cần buộc anh K, chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền 2.900.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Do anh N không yêu cầu anh K và chị D phải có nghĩa vụ trả lãi nên không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Anh N đã tạm nộp là 2.100.000 đồng. Do yêu cầu của anh N được chấp nhận nên anh K và chị D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh N chi phí giám định 2.100.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Anh Huỳnh Đăng K và chị Huỳnh Thụ Thuý D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228. 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn N. Buộc anh Huỳnh Đăng K và chị Huỳnh Thụ Thuý D có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh N số tiền là 2.900.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Do anh N không yêu cầu anh K và chị D phải có nghĩa vụ trả lãi nên không xem xét giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Anh N nộp tạm ứng là 2.100.000 đồng. Do yêu cầu của anh N được chấp nhận nên anh K và chị D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh N chi phí giám định 2.100.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Cao Văn N được Chi Cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007334 ngày 08/6/2022

- Anh Huỳnh Đăng K và chị Huỳnh Thụ Thuý D phải có nghĩa vụ liên đới nộp là 90.042.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

